**6.** **Thủ tục đăng ký xét công nhận làng nghề truyền thống.**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Hành chính Tổng Hợp - Chi cục Phát triển nông thôn, hoặc qua dịch vụ bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến (nếu có)*.*

• Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

• Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết biên nhận và hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, chuyển hồ sơ cho phòng Ngành nghề nông thôn.

+ **Bước 3**: Sau 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Phòng Ngành nghề nông thôn Chi cục Phát triển nông thôn thành lập đoàn thẩm tra thực tế tại địa bàn làng nghề nhằm đánh giá các tiêu chí để công nhận làng nghề truyền thống.

Riêng đối với Phương án bảo vệ môi trường làng nghề, Phòng Ngành nghề nông thôn tham mưu văn bản gửi các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến đóng góp (Phòng Ngành nghề nông thôn dự thảo văn bản trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn xem xét trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét và ký trong thời hạn 01 ngày làm việc). Trong thời hạn 07 ngày làm việc, các cơ quan có liên quan gửi văn bản góp ý về Chi cục Phát triển nông thôn. Chi cục Phát triển nông thôn tổng hợp các ý kiến đóng góp và thông qua Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, nghề truyền thống (gọi tắt là Hội đồng xét công nhận làng nghề) trong ngày Hội đồng xét công nhận làng nghề truyền thống.

+ Bước 4: Căn cứ vào kết quả đánh giá của đoàn thẩm tra:

• Nếu làng nghề truyền thống không đáp ứng được 01 trong các tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm tra, Chi cục Phát triển nông thôn có văn bản thông báo cho UBND cấp huyện về lý do không đạt tiêu chí để công nhận (Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Phòng Ngành nghề nông thôn dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn xem xét. Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn xem xét và ký văn bản thông báo trong thời hạn 01 ngày làm việc);

• Nếu làng nghề truyền thống đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để công nhận, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm tra, Sở Nông nghiệp và PTNT mời các thành viên trong Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống để đánh giá, công nhận hoặc không công nhận (Phòng Ngành nghề nông thôn dự thảo Giấy mời trong thời hạn 06 ngày làm việc, Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn xem xét trong thời hạn 02 ngày làm việc, Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét và ký trong thời hạn 02 ngày làm việc)

+ Bước 5: Căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng:

• Nếu Hội đồng không thống nhất công nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, Sở Nông nghiệp và PTNT có văn bản thông báo cho UBND cấp huyện về kết luận của Hội đồng (Phòng Ngành nghề nông thôn dự thảo Thông báo kết luận trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn xem xét trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét và ký trong thời hạn 01 ngày làm việc).

• Nếu Hội đồng thống nhất công nhận:

Trường hợp 1: Thống nhất công nhận, không yêu cầu bổ sung hồ sơ gì thêm.

Trường hợp 2: Thống nhất công nhận nhưng yêu cầu bổ sung một số giấy tờ cần thiết, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, UBND cấp huyện phải bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của Hội đồng.

+ Bước 6:

Trường hợp 1 Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có kết luận của Hội đồng, Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ra quyết định công nhận (Phòng Ngành nghề nông thôn dự thảo tờ trình kèm hồ sơ liên quan trong thời hạn 02 ngày làm việc, Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn xem xét trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét và ký Tờ trình trong thời hạn 02 ngày làm việc).

Trường hợp 2 Bước 5: Trường hợp có yêu cầu bổ sung một số giấy tờ cần thiết, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ bổ sung từ UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ra quyết định công nhận.

+ Bước 7: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh ra quyết định công nhận, gửi UBND cấp huyện và cơ quan liên quan.

**- Cách thức thực hiện**: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến (nếu có).

**- Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ;**

Thành phần hồ sơ:

1) Các hồ sơ công nhận nghề truyền thống và làng nghề;

2) Trường hợp đã công nhận làng nghề, hồ sơ thực hiện theo quy định công nhận nghề truyền thống. Nếu chưa được công nhận làng nghề nhưng có nghề truyền thống đã được công nhận, hồ sơ thực hiện theo quy định công nhận làng nghề.

3) Đối với những làng nghề có hoạt động ngành nghề nông thôn được quy định tại Điều 5 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND tỉnh An Giang ngày 13/01/2016 của tiêu chí công nhận làng nghề, hồ sơ gồm:

Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống, có xác nhận của ủy ban nhândân cấp xã (theo mẫu tại Phụ lục 1 của Quyết định 02/2016/QĐ-UBND tỉnh An Giang ngày 13/01/2016);

Bản sao giấy chứng nhận huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh trở lên trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa, dân tộc của nghề truyền thống.

Bản sao giấy công nhận nghệ nhân của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Bản xác nhận thực hiện tốt chính sách, pháp luật của nhà nước có xác nhận của UBND cấp xã.

Phương án bảo vệ môi trường làng nghề (Phụ lục 2 Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Quyết định của UBND cấp xã về việc thành lập Tổ tự quản bảo vệ môi trường làng nghề.

+ Số lượng hồ sơ: 02 bộ (UBND cấp huyện nộp 02 bộ hồ sơ cho Chi cục Phát triển nông thôn).

**-** **Thời gian giải quyết**: Ba mươi (30)ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ từ Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện:Chi cục Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan phối hợp: Sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận.

**- Phí, Lệ phí:** Không

**- Tên mẫu đơn, tờ khai:**

+ Bản tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nghề truyền thống, bản tóm tắt kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh làng nghề (Phụ lục 1, phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016).

+ Phương án bảo vệ môi trường làng nghề (Phụ lục 2 Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Hồ sơ xét công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện theo Quy định tại Điều 16 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND, đồng thời phải đảm bảo thực hiện thống nhất theo quy định Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

+ Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận sau thời gian 5 năm không còn hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như không đảm bảo tiêu chí theo quy định của làng nghề tại Quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đạt theo yêu cầu, gởi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Công Thương đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi quyết định công nhận đối với nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo tiêu chí theo Quy định.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

+ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công.

+ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

+ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ..

+ Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định Tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

**PHỤ LỤC 1**

BẢN TÓM TẮT

Quá trình hình thành và phát triển của nghề truyền thống

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016)*

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Tổ chức/cá nhân............................... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

…………*, ngày tháng năm*

**BẢN TÓM TẮT**

**Quá trình hình thành và phát triển của nghề truyền thống**

**(Nêu rõ tên nghề )............**

Kính gửi: **UBND xã/phường/thị trấn........................................**

Căn cứ Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc Ban hành Quy định Tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh An Giang,

Nghề....................tại......................................đã hình thành và phát triển như sau:

1. Khái quát tình hình chung của nghề (Nêu rõ tên nghề)...................................

- Vị trí địa lý, sự phân bố của nghề:

- Số hộ có người tham gia làm nghề:

- Tổng số lao động tham gia làm nghề:

- Thu nhập bình quân của người lao động:

- Địa bàn tập trung của nghề

+ Tổng số hộ dân trên địa bàn (ấp/khóm,...)

+ Tổng số hộ có người tham gia làm nghề

2. Sự ra đời và hình thành của nghề

- Lịch sử hình thành, du nhập và phát triển của nghề: (nếu có tài liệu lịch sử chứng minh cần nêu rõ trong báo cáo và phô tô kèm theo hồ sơ).

- Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân: Tên các nghệ nhân, các thành tích mà các nghệ nhân đạt được,...

- Mô tả đặc điểm sản xuất, sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc:

3. Tình hình sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm

4. Phương hướng, mục tiêu phát triển nghề trong thời gian tới (nếu có)

5. Tình hình chấp hành chính sách, pháp luật nhà nước

6. Kiến nghị, đề xuất

**XÁC NHẬN TM……………………**

**CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

**PHỤ LỤC 2**

BẢN TÓM TẮT

Kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh làng nghề

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016)*

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Làng nghề............................... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

…………*, ngày tháng năm*

**BẢN TÓM TẮT**

**Kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh làng nghề (Nêu rõ tên làng nghề) .............**

**trong 2 năm 20…và 20…**

Kính gửi: **UBND xã/phường/thị trấn........................................**

Căn cứ Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc Ban hành Quy định Tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh An Giang,

Trong giai đoạn 2 năm (Từ năm.......đến năm.......), hoạt động sản xuất và kinh doanh của làng nghề...........đạt kết quả như sau:

1. Khái quát tình hình chung của làng nghề (Nêu rõ tên nghề)............................

- Vị trí địa lý, sự phân bố của nghề:

- Dân số: Tổng số hộ, tổng số dân của khóm/ấp............:

- Số hộ có người tham gia làm nghề của khóm/ấp:

- Tổng số lao động tham gia làm nghề của khóm/ấp:

2. Tình hình sản xuất kinh doanh của làng nghề

- Các loại sản phẩm chủ yếu và số lượng sản phẩm mà nghề đã tạo ra

- Giá bán bình quân của các sản phẩm chủ yếu

- Thị trường tiêu thụ chính của sản phẩm

- Thu nhập bình quân của một hộ làm nghề

- Thu nhập bình quân của người lao động tham gia làm nghề

3. Công nghệ đang áp dụng làm nghề

4. Công tác bảo vệ môi trường của làng nghề

5. Tình hình chấp hành chính sách, pháp luật Nhà nước

6. Phương hướng, mục tiêu phát triển của làng nghề trong thời gian tới

7. Kiến nghị- đề xuất

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện làng nghề**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC 2**

**MẪU PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| (ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...) **(ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...)**      **PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ ...(1)... tại xã... huyện... tỉnh...** | |
| ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ... (Chủ tịch UBND xã ký, ghi họ tên, đóng dấu) | ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN... (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu) |
| (Địa danh), Tháng... năm... | |

*Ghi chú:*

*(1) Tên đầy đủ, chính xác của làng nghề lập phương án.*

**CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ LÀNG NGHỀ**

**1.1. Tên làng nghề**

Nêu đầy đủ, chính xác tên làng nghề lập phương án.

**1.2. Thông tin chung**

- Địa chỉ làng nghề: nêu rõ thuộc xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nào.

- Mô tả vị trí địa lý của làng nghề: nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp thôn và/hoặc xã trở lên; tọa độ các điểm khống chế vị trí của làng nghề kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí các điểm khống chế đó.

- Mô tả sơ bộ điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội có khả năng bị ảnh hưởng bởi hoạt động sản xuất của làng nghề (sông suối, hồ ao, dân cư…).

- Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải làng nghề: tên nguồn, mục đích sử dụng.

- Nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất (giếng khoan, nước khai thác bề mặt, nước cấp).

- Bản đồ hoặc sơ đồ đính kèm để minh họa vị trí địa lý của làng nghề và các đối tượng xung quanh như đã mô tả (nếu có).

**1.3. Quy mô sản xuất**

- Loại hình sản xuất: loại hình sản xuất chính, các loại hình khác (nếu có).

- Số cơ sở sản xuất/tổng số hộ trong làng nghề (đối với các làng đa nghề thì thống kê theo từng loại ngành nghề). Lập danh mục cụ thể đính kèm.

- Sản phẩm sản xuất: liệt kê các sản phẩm chính sản xuất của làng nghề; tổng số sản phẩm chính sản xuất/ngày.

**CHƯƠNG 2. TÌNH TRẠNG PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ THỰC HIỆN**

**2.1. Phát sinh chất thải của làng nghề**

- Sinh hoạt:

+ Nước thải: tổng lượng trung bình phát sinh (m3/ngày);

+ Chất thải rắn: tổng lượng phát sinh (kg/ngày).

- Sản xuất:

+ Nước thải: tổng lượng phát sinh (m3/ngày, tính vào thời điểm sản xuất cao nhất);

+ Chất thải rắn nguy hại và thông thường: tổng lượng phát sinh (kg/ngày);

+ Mô tả hoạt động phát sinh khí thải: mức độ phát thải (định tính/định lượng nếu có);

- Đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường xung quanh (đất, nước, không khí) và tác động tới sức khỏe cộng đồng.

**2.2. Các hoạt động bảo vệ môi trường đã thực hiện**

- Mô tả hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải (nếu có) tại làng nghề.

- Biện pháp thu gom chất thải rắn hiện nay, phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại của làng nghề.

- Biện pháp, công trình xử lý khí thải.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

- Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải rắn; phí vệ sinh môi trường.

- Kinh phí phân bổ thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

- Thành lập và vận hành tổ tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề (số lượng nhân sự, cơ chế vận hành).

- Tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm, nạo vét kênh mương.

- Việc đưa nội dung về bảo vệ môi trường làng nghề vào hương ước, quy ước.

- Đánh giá hiệu quả thực hiện của các biện pháp nêu trên và so sánh với quy định hiện hành.

**CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**3.1. Kế hoạch quản lý các cơ sở sản xuất trong làng nghề (theo báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường, các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở)**

- Các cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục I Nghị định số [19/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=19/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) thực hiện theo báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Các cơ sở không thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề thực hiện quy định tại Chương IV Thông tư này hoặc tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

**3.2. Thu gom và xử lý chất thải**

*3.2.1. Đối với nước thải*

- Đối với các làng nghề đã có công trình thu gom, xử lý (nếu có) chất thải tại mục 2.2, đề nghị hoàn thiện cải tạo, nâng cấp đảm bảo thu gom, xử lý nước thải các cơ sở trên địa bàn.

- Kế hoạch vận hành các công trình thu gom, xử lý nước thải.

*3.2.2. Đối với chất thải rắn (tương tự nước thải)*

*3.2.3. Biện pháp kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động*

**3.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro**

*3.3.1. Đối với an toàn lao động tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề*

- Trang bị bảo hộ lao động; kiến thức về phòng, chống sự cố cháy nổ cho nhân công lao động làm việc trực tiếp tại khu vực sản xuất.

- Bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật đảm bảo vận hành an toàn, đúng kỹ thuật.

*3.3.2. Đối với an toàn môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề*

- Đối với các công đoạn có khả năng xảy ra sự cố cao như lò hơi, hóa chất, lò nung... phải có thiết bị bảo vệ, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Bố trí các thiết bị, máy móc tại nơi làm việc đảm bảo an toàn người lao động, phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra.

**CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ**

**4.1. Kinh phí thực hiện**

Nêu rõ việc bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

**4.2. Phân công trách nhiệm**

- Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất tại làng nghề.

- Trách nhiệm của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề.

- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã.

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

**1. Kết luận**

Phải kết luận rõ:

- Đã nhận dạng, mô tả được các nguồn thải và tính toán được các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội.

- Tính hiệu quả và khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; giải quyết được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội phát sinh từ hoạt động sản xuất của làng nghề.

**2. Kiến nghị**

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan ở trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**3. Cam kết**

- Cam kết thực hiện đúng nội dung, tiến độ xây dựng, cải tạo và vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo tại quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề.

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến làng nghề, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Cam kết theo dõi và thực hiện đúng các quy định về xử phạt các cơ sở sản xuất trong làng nghề nếu để xảy ra các sự cố.